姓名:　　日期:

第一部分：看圖寫字 (Phần 1: Nhìn tranh và viết từ)

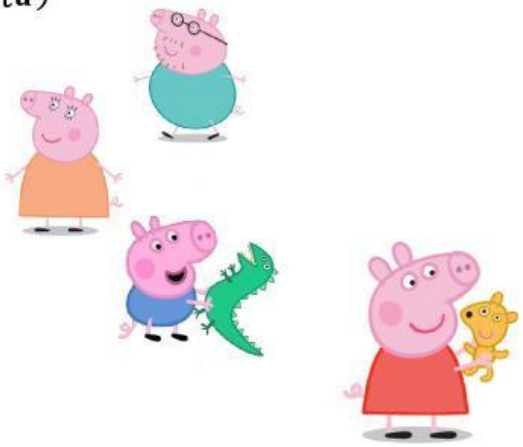

1. 這是我的_____。
2. 這是我的_____。
3. 這是我的_____。
4. 我是_____。

第二部分：填填看量詞 (Phần 2: Điền lượng từ)

1. 一 _____ 房子
2. 兩 _____ 紙 (zhǐ)
3. 三 _____ 相片
4. 四 _____ 人。
5. 兩 _____ 哥哥。

第三部分：完成句子 (Phần 3: Hoàn thành câu)

的　　個　　都　　爸爸　　有

1. 這是 **我 的 書**。
2. 這是 _____ _____ 相片。
3. 我家 _____ 四 _____ 人。
4. 哥哥和姊姊 _____ 喜歡看書。

第四部分：問答練習 (Phần 4: Luyện tập hỏi và trả lời)

1. 答案 (Câu trả lời): 我家有五個人。
   問題 (Câu hỏi): _____?(幾)

LIVEWORKSHEETS

姓名:　　日期:

2. 答案 (Câu trả lời): 這是爸爸的書。
   問題 (Câu hỏi): _____? (誰)

3. 答案 (Câu trả lời): 我沒有哥哥。
   問題 (Câu hỏi): _____? (A not A)

第五部分：看圖寫短句 (Phần 5: Nhìn tranh và viết đoạn văn ngắn)

1. _____。(例：這是我的照片。)

2. _____。

3. _____。

LIVEWORKSHEETS